TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lèo Thị Chan, ông Cầm Văn Chinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 8, phường Y, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản Taon (Ta Ọc Tảy), huyện X, tỉnh HP, nước CHDCND Lào. Chỗ ở hiện nay: Bản Phăn Mẳn, quận Si Sắt Tạ Nạc, thành phố Viêng Chăn, nước CHDCND Lào. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đặng Văn Ttrình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị P, Quốc tịch Lào đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/12/2013 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Việc kết hôn giữa anh và chị P là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại Tổ 8, phường Y, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018

thì phát sinh mâu thuẫn anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến ngày 21/5/2022 thì chị P xuất cảnh về nước CHDCND Lào. Nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về phong tục tập quán, công việc và cuộc sống không có tiếng nói chung. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Đặng Gia B, sinh ngày 13/10/2013 và cháu Đặng Thị Yến N, sinh ngày 26/4/2015. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

** Bị đơn chị P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với lời khai của anh T về thời gian, địa điểm kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do có nhiều sự khác biệt trong phong tục tập quán, công việc và cuộc sống không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên vợ chồng không thể hàn gắn. Nay anh T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị nhất trí với lời trình bày của anh T, không có ý kiến về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tranh tụng tại phiên tòa,

Nguyên đơn anh Đặng Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với chị P.

Bị đơn chị P nhất trí với yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh T. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết để 02 cháu Đặng Gia B, sinh ngày 13/10/2013 và cháu Đặng Thị Yến N, sinh ngày 26/4/2015 được sống cùng với bố và ông bà nội để đảm bảo cho các cháu được phát triển toàn diện. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ quy định của luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử cho anh Đặng Văn Tđược ly hôn với chị P.

Về lệ phí Tòa án và án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 18/11/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình số 03/TLST-HNGĐ về việc xin ly hôn theo đơn xin ly hôn đề ngày 05/10/2022 của anh Đặng Văn T. Do bị đơn chị P có Quốc tịch Lào, hiện đang sinh sống tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành các thủ tục để ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho chị P, trong đó ấn định cụ thể thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (phiên họp hòa giải) lần 1 và lần 2 (trong trường hợp hoãn phiên họp lần 1); thời gian, địa điểm mở phiên tòa lần 1 và lần 2 (trong trường hợp hoãn phiên tòa lần 1).

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đặng Văn T và chị P, Quốc tịch Lào đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2013 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La và tiến hành thủ tục đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Việc kết hôn giữa anh và chị P là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật Việt Nam nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến ngày 21/5/2022 thì chị P xuất cảnh về nước CHDCND Lào, từ đó không trở lại Việt Nam lần nào. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn. Mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm, đã được Thẩm phán chủ tọa định hướng cho các bên đoàn tụ nhưng kết quả không thành. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn T về việc xin ly hôn với chị P theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung là cháu Đặng Gia B, sinh ngày 13/10/2013 và Đặng Thị Yến N, sinh ngày 26/4/2015. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị P xác nhận đã chuyển về cư trú tại nước CHDCND Lào nên không có điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao hai con chung cho anh Đặng Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Xét thấy tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu Bảo 10 tuổi, cháu Nhi 08 tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy ý kiến và cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với bố tại Tổ 8, phường Y, thành phố Sơn La. Nguyện vọng của hai cháu Đặng Gia B và Đặng Thị Yến N là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận. Giao hai cháu Đặng Gia B và Đặng Thị Yến N cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị P xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án và án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu toàn bộ chi phí dịch thuật sang tiếng Lào, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 149, Điều 153, Điều 207, khoản 2 Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 9, Điều 44 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đặng Văn T được ly hôn với chị P.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Gia B, sinh ngày 13/10/2013 và cháu Đặng Thị Yến N, sinh ngày 26/4/2015 cho anh Đặng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về lệ phí Tòa án: Anh Đặng Văn T phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ tiền 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001966 ngày 31/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Anh T đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001498 ngày 16/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La. Anh T đã nộp đủ số tiền trên.

5. Quyền kháng cáo: Anh Đặng Văn T, chị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2023).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Cầm Văn Chinh

Lèo Thị Chan

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Lan